

Số: /CV-LVKT

Quảng Ngãi, ngày tháng 4 năm 2026

Về tiêu chí xét tuyển học sinh lớp 6 năm học 2026-2027

Căn cứ Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học;

Căn cứ Công văn số 1730/SGDDĐT-GDTrH ngày 19 tháng 4 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi về việc hướng dẫn tuyển sinh vào lớp 6 năm học 2026 - 2027;

Trường THCS và THPT Liên Việt Kon Tum xây dựng tiêu chí xét tuyển học sinh vào học lớp 6 năm học 2026-2027 (trong trường hợp số lượng hồ sơ dự tuyển vượt chỉ tiêu được giao), cụ thể:

1. Nguyên tắc xét tuyển

- Đảm bảo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

- Đảm bảo thực hiện việc xét tuyển công bằng, khách quan, minh bạch, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

- Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, xác định được thành tích học tập, rèn luyện theo mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và sự tiến bộ của học sinh.

2. Các tiêu chí xét tuyển: tổng quy đổi tối đa là 100 điểm.

2.1. Đánh giá quá trình 5 năm học tiểu học (thông qua đánh giá kết quả giáo dục cuối năm trong 5 năm học tiểu học): quy đổi tối đa là 45 điểm

- Học sinh đạt mức "Hoàn thành xuất sắc"

Mỗi năm học sinh đạt mức "Hoàn thành xuất sắc" (quy đổi 9 điểm/năm). Nếu học sinh có 5 năm được đánh giá ở mức Hoàn thành xuất sắc: **đạt điểm tối đa 45 điểm.**

- Học sinh đạt mức "Hoàn thành tốt"

Mỗi năm học sinh đạt mức "Hoàn thành tốt" (quy đổi 5 điểm/năm). Nếu học sinh có 5 năm được đánh giá ở mức "Hoàn thành tốt": **đạt điểm tối đa 25 điểm.**

- Học sinh đạt mức "Hoàn thành"

Mỗi năm học sinh đạt mức "Hoàn thành" (quy đổi 3 điểm/năm). Nếu học sinh có 5 năm được đánh giá ở mức "Hoàn thành": **đạt điểm tối đa 15 điểm.**

Tổng số điểm đánh giá quá trình 5 năm tiểu học (ĐGQT) sẽ bằng tổng điểm của 5 năm cộng dồn từ lớp 1 đến lớp 5.

$$\text{Tổng}_{\text{ĐGQT}} = \text{Điểm}_{\text{ĐGQT}} \text{ LỚP 1} + \text{Điểm}_{\text{ĐGQT}} \text{ LỚP 2} + \text{Điểm}_{\text{ĐGQT}} \text{ LỚP 3} + \text{Điểm}_{\text{ĐGQT}} \text{ LỚP 4} + \text{Điểm}_{\text{ĐGQT}} \text{ LỚP 5}$$

2.2. Kết quả kiểm tra định kỳ cuối năm học (của 5 năm học cấp tiểu học): quy đổi tối đa là 23 điểm

- Điểm bài kiểm tra định kỳ cuối năm của các môn học theo từng khối lớp, cụ thể:

+ Lớp 1: môn Toán và Tiếng Việt.

+ Lớp 2: môn Toán và Tiếng Việt.

+ Lớp 3: môn Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh, Công nghệ, Tin học.

+ Lớp 4: môn Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh, Công nghệ, Tin học, Lịch sử và Địa lý, Khoa học.

+ Lớp 5: môn Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh, Công nghệ, Tin học, Lịch sử và Địa lý, Khoa học.

- Mỗi môn học đạt 10 điểm (*quy đổi 01 điểm/môn*).

- Mỗi môn học đạt 9 điểm (*quy đổi 0,9 điểm/môn*).

- Mỗi môn học đạt 8 điểm (*quy đổi 0,8 điểm/môn*).

- Mỗi môn học đạt 7 điểm (*quy đổi 0,7 điểm/môn*).

- Mỗi môn học đạt 6 điểm (*quy đổi 0,6 điểm/môn*).

- Mỗi môn học đạt 5 điểm (*quy đổi 0,5 điểm/môn*).

Tổng điểm phần kiểm tra định kỳ cuối năm học (ĐKCN) của 5 năm bằng tổng điểm của các môn học được quy đổi trong 5 năm cộng dồn từ lớp 1 đến lớp 5.

$$\begin{aligned} \text{Tổng}_{\text{ĐKCN}} = & \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TOÁN LỚP 1} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TIẾNG VIỆT LỚP 1} + \\ & \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TOÁN LỚP 2} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TIẾNG VIỆT LỚP 2} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TOÁN LỚP 3} + \\ & \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TIẾNG VIỆT LỚP 3} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TIẾNG ANH LỚP 3} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ CÔNG NGHỆ} \\ & \text{LỚP 3} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TIN HỌC LỚP 3} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TOÁN LỚP 4} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TIẾNG VIỆT} \\ & \text{LỚP 4} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TIẾNG ANH LỚP 4} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ CÔNG NGHỆ LỚP 4} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TIN} \\ & \text{HỌC LỚP 4} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ KHOA HỌC LỚP 4} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ LỊCH SỬ ĐỊA LÝ LỚP 4} + \\ & \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TOÁN LỚP 5} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TIẾNG VIỆT LỚP 5} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TIẾNG ANH LỚP 5} + \\ & \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ CÔNG NGHỆ LỚP 5} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TIN HỌC LỚP 5} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ KHOA HỌC LỚP} \\ & 5 + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ LỊCH SỬ ĐỊA LÝ LỚP 5.} \end{aligned}$$

2.3. Đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh (đánh giá lớp 5-năng lực, phẩm chất cuối quá trình): quy đổi tối đa 32 điểm

- **Xét kết quả những phẩm chất chủ yếu (10 điểm):** Yêu nước/nhân ái/chăm chỉ/trung thực/trách nhiệm (ở mỗi phẩm chất, nếu mức “tốt” quy đổi 2 điểm; mức “đạt” quy đổi 1 điểm)

- **Xét kết quả năng lực (22 điểm)**

+ **Năng lực chung: 6 điểm**, bao gồm 03 nhóm năng lực: năng lực tự chủ và tự học/giao tiếp và hợp tác/giải quyết vấn đề và sáng tạo (ở mỗi năng lực, mức “tốt” quy đổi 2 điểm; mức “đạt” quy đổi 1 điểm).

+ **Năng lực đặc thù: 14 điểm**, bao gồm 07 năng lực: ngôn ngữ/tính toán/khoa học/công nghệ/tin học/thẩm mỹ/thể chất (ở mỗi năng lực đặc thù, mức “tốt” quy đổi 2 điểm; mức “đạt” quy đổi 1 điểm).

+ **Năng lực, phẩm chất nổi trội (quy đổi tối đa 2 điểm)**

Nhóm đối tượng 1: Học sinh đạt giải cấp tỉnh, cấp quốc gia do Sở GDĐT/Bộ GDĐT tổ chức hoặc phối hợp với các sở, ngành tổ chức trên quy mô toàn tỉnh, toàn quốc: giải nhất được cộng 1 điểm; giải nhì được cộng 0,75 điểm; giải ba được cộng 0,5 điểm, giải khuyến khích được cộng 0,25 điểm (**chọn 01 lần và 01 thành tích cao nhất để quy đổi**).

Nhóm đối tượng 2: Học sinh có giấy khen, bằng khen liên quan (các năng khiếu về văn hóa, nghệ thuật, thể thao/các giải thưởng, thành tích đạt được trong các cuộc thi, hoạt động. Tham gia các hoạt động Đội, Sao, các câu lạc bộ, tổ chức trong trường/các hoạt động tình nguyện, vì cộng đồng): bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh/Bộ GDĐT được cộng 1 điểm; giấy khen của Sở GDĐT và giấy khen của các sở, ngành được cộng 0,75 điểm (**chọn 01 lần và 01 thành tích cao nhất để quy đổi**).

* Lưu ý: Cả 02 nhóm đối tượng được cộng không quá 2 điểm.

3. Các tiêu chí xét tuyển bổ sung và tuyển thẳng

3.1. Trong trường hợp tiêu chí xét tuyển (của 03 phần) có tổng điểm quy đổi bằng nhau thì tính điểm ưu tiên

- Đối tượng ưu tiên: Điểm ưu tiên được cộng vào tổng điểm xét tuyển tính theo thang điểm 10 (mười). Trong đó, nhóm 1: được cộng 1 điểm; nhóm 2 được cộng 0,75 điểm;

+ Nhóm đối tượng 1: Con thương binh, liệt sĩ; con Anh hùng Lực lượng vũ trang; con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”.

+ Nhóm đối tượng 2: Học sinh dân tộc thiểu số.

3.2. Học sinh được tuyển thẳng

- Học sinh khuyết tật (theo quy định).

- Trường hợp học sinh là anh chị em sinh đôi, nếu 1 trong hai học sinh trúng tuyển và học sinh còn lại chưa trúng tuyển thì tuyển thẳng học sinh còn lại. (Học sinh được tuyển thẳng trong trường hợp này phải có 5 năm đạt mức “hoàn thành tốt trở” lên).

4. Trường hợp tiêu chí xét tuyển (của 03 phần) có tổng số điểm quy đổi bằng nhau, tiêu chí ưu tiên xét tuyển cũng bằng nhau

Nhà trường tiến hành phỏng vấn, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm...; . phù hợp với với điều kiện và định hướng phát triển của nhà trường và đồng thời công khai nội dung theo hình thức nêu trên để có cơ chế giám sát, phản biện, đảm bảo công bằng.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (thay báo cáo)
- Website Trường;
- Lưu: VT

HIỆU TRƯỞNG

Lê Đức Tường